

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYỂN 6

PHẦN THỨ 4: NHẬP TƯỚNG CỦA ĐỐI TƯỢNG NHẬN THỨC

Luận nói: “Như vậy đã nói tướng đối tượng nhận thức, nhập tướng đối tượng nhận thức tại sao phải thấy? Là chỗ dựa của huân tập đa văn, không phải chỗ tóm thâu của thức A-lại-da. Như thức A-lại-da thành chủng tử thì chỗ thâu tóm của tác ý như lý tợ pháp và tợ nghĩa sinh khởi, tợ chỗ giữ lấy sự, ý ngôn hữu kiến”.

Giải thích: Như có thể ngộ nhập chủng loại điều nên nhận biết tướng như vậy, bây giờ sẽ hiển thị. Nhập tướng của đối tượng nhận thức, là nghĩa có thể nhập cảnh đối tượng nhận thức. Chỗ dựa của đa văn huân tập, là chỗ huân tập tự thể của pháp Đại thừa. Không phải chỗ gồm thâu của thức A-lại-da, vì có thể đối trị thức A-lại-da. Như thức A-lại-da thành chủng tử, là như thức A-lại-da làm nhân của tất cả pháp tạp nhiễm, thức này làm nhân của tất cả pháp thanh tịnh cũng như thế. Chỗ gồm thâu của tác ý như lý, là tác ý như lý làm tự tánh. Tợ pháp tợ nghĩa mà sinh, là khi khởi thì tướng tương tợ của pháp và nghĩa sinh. Tợ chỗ giữ lấy sự, là nghĩa tương tợ của các sắc. Hữu kiến, là tương tợ đối với kiến, đây là thành lập thức hữu tướng kiến.

Luận nói: “Trong đây ai có thể ngộ nhập điều nên nhận biết tướng? Đại thừa đa văn huân tập tương tục, đã được phụng sự vô lượng chư Phật xuất hiện nơi đời, hoàn toàn đã đắc thắng giải quyết định, đã khéo tích tập các thiện căn, khéo đầy đủ phước trí là tư lương của Bồ-tát”.

Giải thích: Như vậy phẩm loại, như vậy phương tiện có thể ngộ nhập, bây giờ sẽ hiển thị. Đại thừa đa văn huân tập tương tục, là lựa riêng chỗ có đa văn huân tập tương tục của Thanh-văn, Độc-giác. Đã được phụng sự vô lượng chư Phật xuất hiện nơi đời, là đã được phụng sự hiện tiền siêu vượt số lượng chư Phật xuất hiện nơi thế gian. Hoàn toàn đã đắc thắng giải quyết định, là đối với Đại thừa mà mình đã hiểu thấu

không phải là cái mà các bạn ác có thể lắc động làm hư hỏng được, là do chỗ thuyết ba nhân vô gián, đã khéo tích tập các thiện căn, mới được gọi là Bồ-tát khéo đầy đủ phước trí làm tư lương. Cũng là phước trí như vậy làm tư lương, tại sao dần dần mới được viên mãn? Là do lực nhân, do lực thiện hữu, do lực tác ý, do lực nương giữ. Trong đây hai câu phải biết là hai lực như số. Lực tác ý tức là thắng giải quyết định hoàn toàn, đây là dùng Đại thừa huân tập làm nhân, phụng sự Phật làm duyên để có thắng giải quyết định hoàn toàn. Có thể tu chánh hạnh, vì tu chánh hạnh nên tích tập thiện căn, như vậy gọi là do lực tác ý. Khéo tu hai thứ tư lương phước và trí, do dần dần khéo tu hai thứ tư lương phước trí nên có thể nhập đại địa, như vậy gọi là lực nương giữ.

Luận nói: “Xứ nào có thể nhập? Là ngay nơi ý ngôn của hữu kiến tợ pháp, tợ nghĩa kia, chỗ sinh khởi địa thắng giải hạnh của các pháp tướng Đại thừa. Trong Kiến đạo, Tu đạo và đạo cứu cánh, đối với tất cả pháp chỉ có tánh thức, vì tùy văn mà thắng giải, vì như lý mà thông đạt, vì đối trị tất cả chướng, vì lìa tất cả chướng”.

Giải thích: Như vậy mà nhập loại và nhập hành tướng, bây giờ sẽ hiển thị: ý địa tâm tư gọi là ý ngôn, như vậy ý ngôn lấy pháp Đại thừa làm nhân mà sinh, trong đây là hiển thị ý ngôn sai biệt. Được sinh bởi pháp tướng Đại thừa, là nghĩa giáo pháp này làm duyên sinh, hoặc hữu tức là đối với địa thắng giải hạnh gọi là chủ thể ngộ nhập.

Như vậy ngộ nhập trong Kiến đạo, bây giờ hiển thị: Vì như lý mà thông đạt, là đối với ý ngôn mà thông đạt đúng như lý. Tại sao đối với ý ngôn này như lý thông đạt? Là vì ý ngôn này không phải pháp, không phải nghĩa, không phải đối tượng giữ lấy, không phải chủ thể giữ lấy, như vậy mà thông đạt.

Như vậy mà ngộ nhập trong tu đạo, bây giờ hiển thị: Vì đối trị tất cả chướng, là khi quán ý ngôn này phi pháp là phi nghĩa, phi đối tượng giữ lấy, phi chủ thể giữ lấy, thì có thể đối trị tất cả chướng.

Như vậy mà ngộ nhập trong đạo cứu cánh, bây giờ hiển thị: Vì lìa tất cả chướng, là khéo trụ trong địa vị của diệu trí thanh tịnh, thì chướng cực vi tế cũng không có.

Luận nói: “Do đâu có thể nhập? Do chỗ nhận giữ của lực thiện căn, là ba thứ tướng luyện tâm đoạn bốn xứ nên duyên cảnh của nghĩa pháp, chỉ quán hằng thường ân cần tôn trọng, gia hạnh, không có phóng dật”.

Giải thích: Do đây có thể nhập, bây giờ hiển thị: “Do đâu có thể nhập? Do chỗ nhận giữ của lực thiện căn là ba thứ tướng luyện tâm, cho

đến hằng thường ân cần tôn trọng gia hạnh không phóng dật”, là đối với điều nói tám câu như vậy khéo tùy thuận tương ứng, gọi là chỗ nhận giữ của lực thiện căn. Hằng thường, là tu hành không gián đoạn. Ân cần tôn trọng, là tu hành cung kính. Nếu đối với các phẩm loại như vậy mà tu tạo, tức là đối với như vậy có thể không phóng dật.

Luận nói: “Vô lượng thế giới vô lượng người, hữu tình từng sát-na chứng giác chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, đó là luyện tâm thứ nhất. Do ý lạc này có thể hành thí... Ba-la-mật-đa “ta đã đạt được ý lạc như vậy, ta do đây mà ít dùng công lực, tu thí... Ba-la-mật-đa sẽ được viên mãn”, đó là luyện tâm thứ hai. Nếu có thành tựu các thiện có chướng khi mạng chung thì tất cả tự thể viên mãn khả ái mà sinh, “ta có diệu thiện, thiện không chướng ngại, tại sao lúc đó không đạt được hết thấy viên mãn”! Đó gọi là luyện tâm thứ ba”.

Giải thích: Trong đây vì đối trị ba thứ thói khuất tâm nên chỉ tu luyện tâm thứ ba. Tại sao vậy? Vì các nghe chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng tối thắng quảng đại sâu xa khó có thể chứng đắc, thì tâm Bồ-tát liền thối lui. Để đối trị tâm này nên tu luyện tâm đệ nhất. Lại nữa, các Bồ-tát nghe chỗ tu hành Ba-la-mật-đa tối thắng thâm diệu quảng đại khó có thể chứng đắc, thì tâm liền thối lui. Để đối trị tâm này nên tu luyện tâm đệ nhị. Do ý lạc ấy có thể hành thí... Ba-la-mật-đa, ý lạc trong đây là tín và dục, Bồ-tát đối với các Ba-la-mật-đa, chân thật có tánh, đủ tánh công đức, có tánh gắng nhận sinh tín giải sâu xa, gọi đó là tín. Tín giải đã sâu, ưa thích tu hành, đó là dục. Bồ-tát đã đắc tín dục như vậy, thì tự tánh ý lạc ít dụng công, tu sáu Ba-la-mật-đa sẽ được viên mãn. Lại nữa, Bồ-tát đối với ngôn giáo thâm diệu quảng đại của Phật, khi xét bàn quyết đoán thiện xảo chuyển khởi, tư lương như vậy, chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng khó có thể chứng đắc, còn cách một niệm tâm mới có thể chứng đắc, tâm liền thối lui. Để đối trị tâm này nên tu luyện tâm đệ tam. “Ta có diệu thiện”, là “ta có tất cả diệu thiện trong mười địa tích tập phước trí làm tư lương”. “Thiện không chướng ngại thiện”, là định kim cương dục, có thể phá trừ chướng rất khó phá trừ mọi vi tế thô trọng tại trong xương. Định này liên tục đắc chuyển y, lìa trói buộc của hết thấy chướng. “Tại sao lúc đó không đạt được hết thấy viên mãn”, trong đây có ý nói lìa mọi trói buộc chướng, tương tự mạng kia khi hết thì tất cả chủng trí giống như thể kia viên mãn. Lại nữa, trong đây ba thứ luyện tâm, là thiện căn của các Bồ-tát không thiếu lực thiện căn nắm giữ. Do lực này có thể có ba thứ rèn luyện tâm, khiến tâm không thối lui.

Thứ nhất sẽ hiển thị luyện tâm đệ nhất là vô lượng thế giới vô

lượng hữu tình trong cõi người, từng sát-na có thể chứng chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, “tại sao là hiện tại một mình không thể chứng”?

Thứ hai sẽ hiển thị luyện tâm đệ nhị là các Bồ-tát khởi tư duy như vậy: “Ý lạc này của ta đã lia các chướng ngại, Ba-la-mật-đa do xan... chướng ngại đều không có, không do công dụng Ba-la-mật-đa sẽ được viên mãn, do viên mãn này nên chứng Bồ-đề của Phật”.

Thứ ba sẽ hiển thị luyện tâm đệ tam. Thiện có chướng, là do thiện thế gian mà thành thiện có chướng đó. “Thiện có chướng này, khi mạng chung thì tất cả tự thể viên mãn khả ái sinh, hưởng chi ta nay do thiện không chướng mà thành cái thiện này, không đáng thành Bồ-đề Vô thượng của Phật là không có chuyện đó”.

Luận nói: Trong đây có tụng:

*Cõi người các hữu tình,
Xứ số đều vô lượng,
Niệm niệm chứng đẳng giác,
Nên không thối khuất.
Các tâm tịnh ý lạc,
Có thể tu hạnh thí...
Thắng giả này đã đắc,
Cho nên giới tu thí...
Thiện giả vào lúc chết,
Đắc tùy lạc tự mãn, Thắng
thiện do vĩnh đoạn, Làm
sao không viên mãn?*

Giải thích: Lại lấy kệ để hiển bày các nghĩa như vậy. Không thối khuất, là do nhân duyên trên thúc đẩy tâm nương giữ đó khiến không khiếm nhược. Với tâm khiếm nhược: “Ta không thể chứng Bồ-đề Vô thượng”. Các tâm tịnh, nghĩa là không phải các tâm bất thiện và vô ký. Hoặc có người đem tâm tán loạn và vô ký của họ để hành bố thí..., như vậy ngoại đạo đem tâm bất thiện mà hành thí... Nếu cầu chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, thì đó là tối thắng thiện nên gọi là tâm tịnh. “Thắng giả này đã đắc, nên giới tu thí...”, Bồ-đề tối thắng gọi là thắng giả, đây là ý lạc mà Bồ-tát đã đắc nên có thể tu thí... các Ba-la-mật, tức là nghĩa đã đắc chỗ đối trị tâm có thể đoạn trừ xan... chữ đẳng (vân vân...) Lấy bắt đầu từ giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa. “Thiện giả vào lúc chết, đắc tùy lạc tự mãn”, là cho đến đắc nghĩa của Phi tướng phi phi tướng xứ. “Thắng thiện do vĩnh đoạn, làm sao không viên mãn”? Là do vĩnh đoạn chướng mà thành quả Phật viên mãn thắng thiện, làm sao không

có nghĩa cho được?

Luận nói: “Do lìa tác ý của Thanh-văn Độc-giác, vì đoạn tác ý, do lìa nghi đối với các nghi của Đại thừa, vì có thể vĩnh viễn đoạn dị huệ nghi, do lìa ngã ngã sở chấp trong pháp nơi chỗ tư vấn, vì đoạn pháp chấp, do không chỗ tác ý không chỗ phân biệt trong hiện tiền hiện trụ an lập hết thấy tướng, vì đoạn phân biệt. Trong đây có tụng:

*Hiện tiền tự nhiên trụ,
An lập hết thấy tướng,
Trí giả không phân biệt,
Đắc Bồ-đề tối thượng”.*

Giải thích: Bây giờ hiển thị đoạn trừ bốn xứ. “Vì đoạn tác ý”, là đoạn tác ý của Thanh-văn Độc-giác. “Vì có thể vĩnh viễn đoạn nghi dị huệ”, là đối với chỗ thâm thâm quảng đại của Đại thừa có thể vĩnh viễn đoạn trừ dị huệ và nghi. Dị huệ trong đây, là huệ ác lậu đối với lý bị dao động, nghi là còn do dự. “Do lìa nghi đối với các nghi của Đại thừa”, là đối với Đại thừa an lập ba tự tánh nơi giáo của pháp tướng, là nếu nói các pháp đều không có tự tánh, không có sinh, không có diệt, bản lai tịch tĩnh tự tánh Niết-bàn, các pháp như vậy vĩnh viễn không có dị môn. Nương vào tự tánh Biến kế sở chấp mà nói, nếu cho các pháp như huyễn, như sóng nắng, tướng mộng, quang ảnh, ảnh tượng, tiếng vang nơi hang sâu, trăng dưới nước biến hóa, các pháp như vậy là dị môn hư vọng. Nương vào tự tánh Y tha khởi mà nói, nếu cho rằng các pháp chân như thật tế pháp giới vô tướng thắng nghĩa không tánh, các pháp như vậy là chân thật dị môn. Nương vào tự tánh Viên thành thật mà nói, đối với tất cả dị huệ và nghi này vĩnh viễn không chuyển trở lại. “Do lìa ngã, ngã sở chấp trong pháp nơi chỗ tư, vấn”, trong đây có ý nói đoạn trừ pháp chấp. “Vì đoạn pháp chấp”, cho đến ngã, ngã sở chấp trong pháp nơi chỗ tư, vấn, rốt cùng không đối với các pháp đó ngộ nhập như thật. “Do không chỗ tác ý không chỗ phân biệt trong hiện tiền hiện trụ an lập hết thấy tướng”, là khi trí gia hạnh vô phân biệt chuyển thì tác ý như lý trụ tất cả tâm định, các tướng tác ý phân biệt đều đoạn. “Vì đoạn phân biệt”, là hiện trụ các sắc hiện tiền và chỗ an lập định của cốt toả, tất cả đối tượng duyên các tướng của cảnh giới đều là không chỗ phân biệt của không tác ý, do phương tiện không phân biệt mới có thể nhập, nếu phân biệt khác thì cuối cùng không thể nhập. Bài tụng “hiện tiền tự nhiên trụ, an lập hết thấy tướng...”, chỉ hiển nghĩa chỗ trừ đoạn sau đó.

Luận nói: “Do đâu và làm thế nào được ngộ nhập”?

Giải thích: Để hiển do bốn thứ này mà ngộ nhập như vậy, nên đặt

câu hỏi ấy.

Luận nói: “Do huân tập điều nghe biết nơi chủng loại, thuộc về tác ý như lý, tợ pháp tợ nghĩa, ý ngôn hữu kiến”.

Giải thích: Do bốn thứ này ngộ nhập, bây giờ hiển thị. Trong đây do huân tập văn theo chủng loại, là do huân tập văn làm nhân, tức là điều nói ở trước ngộ nhập nhận giữ chỗ sinh huân tập Đại thừa, phải biết là chỗ gồm thâu của tự tánh Viên thành thật.

Luận nói: “Do bốn tầm tư, là do danh, nghĩa, tự tánh và sai biệt. Giả lập tầm tư và do bốn thứ trí như thật biến, là do danh, sự, tự tánh và sai biệt. Giả lập trí như thật biến, như vậy đều đồng với không thể thủ đắc, lấy như thật như vậy của các Bồ-tát để nhập duy thức, siêng tu gia hạnh, tức là đối với tợ văn tợ nghĩa nơi ý ngôn, tìm cầu văn và danh chỉ là ý ngôn, tìm cầu y theo nghĩa của văn, danh này cũng chỉ có ý ngôn, tìm cầu danh, nghĩa, tự tánh và sai biệt chỉ là giả lập, hoặc khi chứng đắc thì chỉ có ý ngôn, lúc đó chứng biết hoặc danh hoặc nghĩa với tự tánh sai biệt đều là giả lập, tự tánh sai biệt nơi nghĩa tướng không có nên đồng với không thể nắm bắt được. Do bốn tầm tư và bốn thứ biến trí như thật, đối với ý ngôn tợ văn, tợ nghĩa này, có khả năng ngộ nhập tánh duy hữu thức”.

Giải thích: Như vậy ngộ nhập, bây giờ hiển thị. “Do bốn tầm tư”, là do văn hiển nói của các danh, nghĩa, tự tánh... “và do bốn thứ biến trí như thật”, là do văn hiển nói của các danh, sự, tự tánh và sai biệt giả lập. Biết khắp như thật hoặc danh hoặc sự, tự tánh sai biệt đều là giả lập, trong đó nghĩa thật đều là không thể nắm bắt được, nên nói “như vậy đều đồng với không thể thủ đắc”.

Lại nữa, trước hết tìm cầu hoặc danh hoặc nghĩa tự tánh sai biệt chỉ là giả lập, sau đó như thật biết chân thật như vậy đều không thể nắm bắt được. Trong khi tìm cầu thì gọi là tầm tư, hoặc khi như thật biết không thể nắm bắt được thì gọi là bốn thứ biến trí như thật.

Luận nói: “Trong đây, ngộ nhập tánh duy thức, ngộ nhập cái gì và ngộ nhập như thế nào? Nhập tánh duy thức, là tướng và kiến hai tánh và các thứ tánh, hoặc danh hoặc nghĩa tự tánh sai biệt, giả tự tánh sai biệt nghĩa, như vậy sáu thứ nghĩa đều không có, vì tánh của đối tượng giữ lấy và chủ thể giữ lấy hiện tiền, đồng thời hiện tợ vô số tướng nghĩa mà sinh khởi, như sợi dây trong tối hiện ra như con rắn, ví như trên sợi dây thì con rắn không phải chân thật, vì không có. Hoặc đã biết rõ nghĩa kia không có, thì cái biết về rắn diệt mất, cái biết về sợi dây thì còn. Hoặc lấy phẩm loại mà phân tích vi tế, thì con rắn này cũng là sắc hương vị

xúc hư vọng làm tướng của nó, cái biết về rấn này làm chỗ nương cho cái biết về sợi dây phải diệt mất. Như vậy sáu tướng ý ngôn của tự văn tự nghĩa kia khi phục trừ sáu tướng nghĩa không phải thật thì tánh duy thức giác cũng như cái biết về rấn, cũng đang dứt trừ, vì do tánh giác Viên thành thật”.

Giải thích: Hiện tại trong đây hỏi chỗ ngộ nhập và thí dụ ngộ nhập. “Tánh duy thức”, là chỉ có tánh thức. “Hai tánh tướng và kiến”, là hiển thị thức của hữu tướng và hữu kiến, hiển hiện tự nhân và tự chỗ kiến lập nên gọi là tướng. “Vô số tánh”, chỉ là một thức hiển hiện, tướng tự có vô số tướng sinh, không phải nhanh chóng nên riêng từng loại mà hiện. Trong ngộ nhập tánh duy thức này, như vậy có ba thứ làm chỗ ngộ nhập. “Đồng thời hiện nghĩa tự vô số tướng mà sinh khởi”, là tự vô số tướng của danh cú văn mà sinh khởi, và tự vô số dựa nơi nghĩa này mà sinh khởi. Thí dụ sợi dây trong đây, là hiển thị ngộ nhập ba thứ tự tánh. “Khi dứt trừ sáu tướng nghĩa không phải thật”, là khi xua tan đi sáu tướng nghĩa thì sự xua trừ trong đây gọi là dứt trừ.

Luận nói: “Như vậy Bồ-tát ngộ nhập tướng tự nghĩa của ý ngôn nên ngộ nhập tánh Biến kế sở chấp, ngộ nhập duy thức nên ngộ nhập tánh Y tha khởi. Thế nào là ngộ nhập tánh Viên thành thật? Nếu đã trừ diệt ý ngôn huân tập văn pháp chủng loại tướng của duy thức, thì lúc đó Bồ-tát đã xua trừ nghĩa tướng, tất cả tự nghĩa không dung chứa được sinh, nên tự duy thức cũng không được sinh, do nhân duyên đó trụ nơi danh vô phân biệt của tất cả nghĩa, trong pháp giới liền được hiện kiến tương ưng mà trụ, lúc đó đối tượng duyên nơi chủ thể là trí Vô phân biệt bình đẳng, bình đẳng của Bồ-tát đã được sinh khởi, do đây Bồ-tát đã được ngộ nhập tánh Viên thành thật”.

Giải thích: “Ngộ nhập tướng tự nghĩa của ý ngôn nên ngộ nhập tánh Biến kế sở chấp”, là biết các nghĩa chỉ là sự tạo tác của biến kế phân biệt. Do đó nên nói ngộ nhập tự tánh Biến kế sở chấp. “Ngộ nhập duy thức nên ngộ nhập tánh Y tha khởi”, là nêu ra duy thức của nó tức là nắm lấy ý ngôn, biết rõ tất cả chỉ có tánh ý ngôn, do đây ngộ nhập tánh Y tha khởi. “Tất cả tự nghĩa không dung chứa được sinh”, là không có nghĩa thật, phẩm loại như vậy tương tự nghĩa đó mà sinh. “Nên tự duy thức cũng không được sinh”, là duy thức tướng cũng không được khởi. Tại sao vậy? Vì cho khi có thức tức là có nghĩa, từ đó về sau hiện chứng chân như, hiện chứng vị này không thể nói, vì tự chứng bên trong. “Lúc đó đối tượng duyên nơi chủ thể là trí Vô phân biệt bình đẳng bình đẳng của Bồ-tát đã được sinh khởi”, đối tượng duyên là chân như, chủ

thể duyên là chân trí, hai bình đẳng này là thí dụ như hư không, tức là bất trụ. Hai thứ tánh nghĩa của đối tượng giữ lấy chủ thể giữ lấy, do không phân biệt đối tượng giữ lấy chủ thể giữ lấy nên gọi là trí Vô phân biệt. Như vậy mà ngộ nhập trí Viên thành thật.

Luận nói: Trong đây có tụng:

*Pháp Bồ-đặc-già-la,
Pháp nghĩa tánh lược rộng,
Bất tịnh, tịnh, cứu cánh,
Gọi sở hành sai biệt.*

Giải thích: Như đã nói ở trước, trụ nơi danh vô phân biệt của tất cả nghĩa, những gì làm danh và có bao nhiêu phẩm loại nghĩa? Để đáp câu hỏi này, lấy tụng hiển thị danh loại sai biệt. Trong đây “pháp danh”, là sắc, thọ, nhãn, nhĩ... “Bồ-đặc-già-la danh”, là Phật và tùy tín hạnh. Lại nữa, “pháp danh”, là khế kinh. “Nghĩa danh”, là nương vào nghĩa của pháp này. “Lược danh”, là hữu tình. “Quảng danh”, mỗi mỗi đều riêng biệt chủ thể nêu giảng. “Tánh danh (họ tên)”, là các tự mẫu căn bản. “Bất tịnh danh”, là các dị sinh. “Tịnh danh”, là hữu học. “Cứu cánh danh”, là tổng tướng đối tượng duyên của tất cả pháp, là đối tượng duyên danh loại lược của các Bồ-tát có mười thứ: 1. Pháp danh, là nhãn... 2. Bồ-đặc-già-la danh, là ngã. 3. Pháp danh, là mười hai phần giáo. 4. Nghĩa danh, là đối tượng nêu giảng các nghĩa của mười hai phần giáo. 5. Lược danh, là tất cả pháp vi và vô vi. 6. Quảng danh, là sắc, thọ... và hư không. 7. Tánh danh, là chữ a làm đầu tiên, chữ ha làm sau. 8. Bất tịnh danh, là các dị sinh. 9. Tịnh danh, là các kiến đế. 10. Cứu cánh danh, là tổng tướng nơi đối tượng duyên của tất cả pháp, tức là đối tượng duyên nơi cảnh giới của hai trí, là trí xuất thế và trí hậu đắc, vì tất cả pháp chân như, thật tế làm đối tượng duyên, vì tất cả pháp vô số tướng sai biệt làm đối tượng duyên, như mười địa... trong đây ý nắm lấy đối với tổng tướng của tất cả nghĩa, cảnh giới nơi đối tượng duyên của duyên trí. Phẩm loại như vậy là tên chỗ hành hóa riêng khác của các Bồ-tát.

Luận nói: “Như vậy Bồ-tát ngộ nhập tánh duy thức do đó ngộ nhập tướng của đối tượng nhận thức. Ngộ nhập tánh duy thức này nên nhập địa cực hỷ, khéo thông đạt pháp giới, sinh vào nhà Như Lai, đặc tâm tánh bình đẳng của tất cả hữu tình, đặc tâm tánh bình đẳng của tất cả Bồ-tát, đặc tâm tánh bình đẳng của chư Phật. Đây gọi là Bồ-tát kiến đạo”.

Giải thích: “Sinh vào nhà Như Lai”, do đây có thể khiến cho

chúng tánh của chư Phật không bị đoạn tuyệt. “Đắc tâm tánh bình đẳng của tất cả hữu tình”, là do khởi nghĩ như vậy: “Như tự thân ta muốn bát Niết-bàn, tất cả hữu tình cũng như vậy”. “Đắc tâm tánh bình đẳng của tất cả Bồ-tát”, là đắc ý lạc của Bồ-tát. “Đắc tâm tánh bình đẳng của chư Phật”, là do trong quả vị này mà đắc Pháp thân Phật. Vì chứng đắc Pháp thân này nên đắc tâm tánh bình đẳng của tất cả chư Phật. Lại nữa, đắc tâm tánh bình đẳng của tất cả hữu tình, là chứng tánh tự tha bình đẳng, như đối với tự thân muốn dứt hết các khổ, đối với tha thân cũng như thế. Đắc tâm tánh bình đẳng của tất cả Bồ-tát, là cùng với ý lạc gia hạnh của tất cả Bồ-tát đều bình đẳng. Đắc tâm tánh bình đẳng của tất cả chư Phật, là thấy pháp giới kia cùng với pháp giới của tự mình không có sai biệt.

Luận nói: “Lại nữa, vì nghĩa gì mà nhập tánh duy thức? Vì do duyên chung nơi pháp xuất thế trí chỉ quán, vì do trí hậu đắc vô số tướng thức này, vì đoạn tướng và các tướng nơi chủng tử của thức A-lại-da, vì nuôi lớn chủng tử của chủ Pháp thân thể xúc, vì chuyển chỗ dựa, vì muốn chứng đắc tất cả Phật pháp, vì muốn chứng đắc trí của nhất thiết trí, nên nhập tánh duy thức. Lại nữa, trí hậu đắc trong tất cả tướng phân biệt, trong tất cả chỗ sinh của thức A-lại-da, thấy như huyền... không có chuyển đảo, nên Bồ-tát ví như huyền sư trong huyền sự đối với các tướng, và nói nhân quả thường không điên đảo”.

Giải thích: “Vì do duyên chung nơi pháp xuất thế trí chỉ quán”, là do chỗ hiển trí của chỉ quán. “Vì đoạn tướng và các tướng chủng tử của thức A-lại-da”, cùng tướng trong đây có nghĩa là cùng nhân. Trong thức A-lại-da, chủng tử của các pháp tạp nhiễm gọi là nơi chư tướng chủng tử của thức A-lại-da. Lại nêu ra “tướng”, là vì muốn hiển thị chủng tử kia là đối tượng duyên tướng. Như vậy đã nói hiển nhân quả cùng đoạn của chủng tử. Nếu trí Vô phân biệt đoạn tất cả chướng, mà chứng đắc Phật pháp, thì trí hậu đắc này lại có chỗ dụng nào? Trí Vô phân biệt không thể nói các pháp nhân quả, vì không có phân biệt, do nhân duyên đó nên cần phải trí hậu đắc nói chỗ có các pháp nhân quả thường không điên đảo, ví như huyền sư đối với huyền sự. “Trong tất cả chỗ sinh của thức A-lại-da”, là thức A-lại-da làm nhân. “Trong tất cả phân biệt tướng”, là thức làm nhân trong kiến phần và tướng phần. Do trí hậu đắc thấy như huyền, và khi nói thì không có điên đảo.

Luận nói: “Tại đây khi ngộ nhập tánh duy thức thì có bốn thứ Tam-ma-địa, là bốn thứ chỗ dựa của phần thuận quyết trạch. Tại sao phải biết? Phải biết do bốn tầm tư, trong hạ phẩm không có nghĩa nhãn,

có thuyết minh đặc Tam-ma-địa, là noãn chỗ dựa của phần thuận quyết trạch. Trong thượng phẩm không có nghĩa nhãn, có thuyết minh tăng Tam-ma-địa, là y chỉ đánh của phần thuận quyết trạch. Lại nữa, do bốn thứ biến trí như thật đã nhập duy thức, trong không nghĩa đã đặc quyết định, có nhập chân nghĩa một phần Tam-ma-địa, là chỗ dựa của đế thuận nhãn. Từ vô gián này hàng phục tướng duy thức, có Tam-ma-địa vô gián, là chỗ dựa của pháp thế đệ nhất. Phải biết như vậy, các Tam-ma-địa, là hiện quán biên”.

Giải thích: Đối với tất cả xứ khi nhập chân quán, thì đều có bốn thứ phần thuận quyết trạch, nên trong đây cũng phải hiển thị. “Là chỗ dựa của phần thuận quyết trạch”, là chỗ dựa nơi nghĩa của quyết trạch phần nhân. “Trong hạ phẩm không có nghĩa nhãn, có thuyết minh đặc Tam-ma-địa”, là trong không nghĩa khởi ái lạc hạ phẩm, có thuyết minh tên của nó, để hiển tên của hạ phẩm Tam-ma-địa, không có nghĩa trí là làm rõ cái nơi mà định không có nghĩa trí này nương tựa. “Trong thượng phẩm không có nghĩa nhãn”, là trong khởi không nghĩa ái lạc thượng phẩm. “Có thuyết minh tăng Tam-ma-địa”, là thuyết minh tên, để hiển tên của thượng phẩm không có nghĩa trí Tam-ma-địa, là làm rõ cái nơi mà định không có nghĩa trí này nương tựa. “Chỗ dựa của đế thuận nhãn”, là lý của pháp vô ngã gọi là đế, nhãn này thuận với đế kia gọi là đế thuận nhãn. Nhân này thành như thế nào? Là thành ở bên ngoài. “Trong không nghĩa đã đặc quyết định”, là đối với không chủ thể giữ lấy cũng ưa thích rất thâm sâu, phải biết là khi lợi thuận nhãn chuyển. “Là hiện quán biên”, là khi hiện đang quán nghĩa.

Luận nói: “Như vậy Bồ-tát đã nhập địa, đã đặc Kiến đạo, đã nhập duy thức, trong tu đạo tu hành như thế nào? Trong điều nói an lập mười địa, gồm thấu tất cả kinh đều hiện tiền, do duyên chung nơi pháp xuất thế, trí hậu đặc chỉ quán, trải qua vô lượng trăm ngàn Câu-chi Na-du-đa kiếp, vì luôn luôn tu tập mà đặc chuyển y, vì muốn chứng đắc ba loại thân Phật mà tinh tấn tu hành”.

Giải thích: “Trong đã nói an lập mười địa”, là tùy trong nói giảng an lập mười địa của Bồ-tát. “Do duyên nơi tổng pháp”, là duyên nơi tổng tướng không phải duyên phân riêng. “Xuất thế”, là trí Vô phân biệt. “Hậu đặc”, tức là trí có thể thành lập, trí này không nên nói chỉ là thế gian, vì đối với thế gian chưa tích tập; cũng không nên nói chỉ có xuất thế gian, vì do tùy theo thế gian mà hiện tiền, do nhân duyên đó không thể nói quyết định. “mà đặc chuyển y”, là do duyên nơi tổng trí nên đặc chuyển y. “Vì muốn chứng đắc ba loại thân Phật mà tinh tấn

tu hành”, là nói: “Ta sẽ chứng đắc ba loại thân Phật nên siêng năng tu hành”.

Luận nói: Hiện quán của Thanh-văn và hiện quán của Bồ-tát có gì khác nhau? Hiện quán của Bồ-tát và Thanh-văn có khác nhau, phải biết do mười một thứ khác nhau: 1. Do đối tượng duyên sai biệt, vì lấy pháp Đại thừa làm duyên. 2. Do nuôi dưỡng sai biệt, lấy hai thứ tư lương đại phước trí làm sự nuôi dưỡng. 3. Do thông đạt sai biệt, lấy chủ thể thông đạt pháp Bồ-đặc-già-la vô ngã. 4. Do Niết-bàn sai biệt, vì thấu nhận đại Niết-bàn vô trụ. 5. Do địa sai biệt, vì nương vào mười địa mà xuất ly. 6. và 7. Do thanh tịnh sai biệt, vì đoạn phiền não tu tập làm tịnh cõi Phật. 8. Do đối với tự tha đắc tâm bình đẳng sai biệt, vì thành thực hữu tình, gia hạnh không ngơi nghỉ. 9. Do sinh sai biệt, vì sinh vào nhà Như Lai. 10. Do thọ sinh sai biệt, vì thường thấu nhận sinh trong hội đại tập của chư Phật. 11. Do quả sai biệt, vì mười lực, vô úy, Phật pháp bất cộng và vô lượng quả công đức thành mãn”.

Giải thích: “Do Niết-bàn sai biệt”, là vì hiện quán của Bồ-tát thấu nhận trụ nơi đại bát Niết-bàn, Thanh-văn thì không như thế. “Do thanh tịnh sai biệt”, là vì hiện quán của Bồ-tát vĩnh viễn đoạn phiền não và các tập khí, có thể làm tịnh cõi Phật, Thanh-văn thì không như thế.

Luận nói: Trong đây có hai bài tụng:

*Danh sự lẫn làm khách,
Tánh đó xứng tâm tư,
Với hai cũng nên xét,
Chỉ là lượng và giả.
Trí thật quán nghĩa không,
Chỉ có phân biệt ba,
Kia không nên đây không,
Tức là nhập ba tánh”.*

Giải thích: Sắp nhập quán chân như nên nói hai bài tụng. “Danh sự lẫn làm khách, tánh đó xứng tâm tư”, là danh đối với sự làm khách, sự đối với danh làm khách, vì không phải xứng với thể kia. Do định mà quán nên gọi là tâm tư. “Với hai cũng nên suy, chỉ lượng và chỉ giả”, là phải nên suy tâm tư tánh sai biệt của nghĩa đều không có, chỉ có thức lượng, chỉ có tự tánh sai biệt giả lập. “Thật trí”, phải biết tức là trí như thật, là do bốn thứ tâm tư làm nhân phát sinh bốn thứ biến trí như thật. “Quán vô nghĩa, chỉ có phân biệt về ba”, là quán nghĩa vốn vô sở hữu, chỉ có ba thứ phân biệt hư vọng: 1. Danh phân biệt. 2. Tự tánh phân biệt. 3. Sai biệt phân biệt. “Kia không nên đây không”, là nghĩa không có

nên phân biệt cũng không có. Tại sao vậy? Nếu có nghĩa về chỗ phân biệt, thì có thể có chủ thể duyên phân biệt. Do nghĩa không có, phải biết phân biệt cũng không có. “Tức là nhập ba tánh”, là ngộ nhập ba tánh trong đây. Vì quán thấy danh sự làm khách lẫn nhau, tức là ngộ nhập tánh Biến kế sở chấp, vì quán thấy hai thứ danh sự vốn không có nghĩa, chỉ có phân biệt lượng, chỉ có danh tự tánh sai biệt giả lập, tức là ngộ nhập tánh Y tha khởi, vì cũng không quán thấy phân biệt này, tức là ngộ nhập tánh Viên thành thật. Như vậy gọi là ngộ nhập ba tánh.

Luận nói: “Trong đây có truyền dạy hai bài tụng, như luận du-già nói:

*Bồ-tát trong vị định,
Quán ảnh chỉ là tâm,
Nghĩa tướng đã diệt trừ,
Quán thấy duy tự tướng.
Như vậy trụ nội tâm,
Biết sở thủ không có,
Kế năng thủ cũng không,
Sau xúc vô sở đắc.*

Giải thích: Vì nhập chân quán lấy chánh giáo truyền dạy, trong nghĩa này nói hai bài tụng đó. “Bồ-tát trong vị định, quán ảnh chỉ là tâm”, là quán ảnh tượng của tự pháp, tự nghĩa chỉ là tâm. Ai có thể quán? Là Bồ-tát. Tại vị nào trong vị định? Là “nghĩa tướng đã diệt trừ, quán thấy chỉ nơi tự tướng”, là nghĩa tướng trong vị này đã xua trừ, quán sát tướng của tự pháp, tự nghĩa chỉ là tâm của tự mình. “Như vậy trụ nội tâm”, là như thân giữ tự tâm trụ tại nghĩa vô, tức là khiến cho tâm trụ tại nội tâm. “Biết sở thủ không có”, là biết rõ nghĩa của chỗ giữ lấy là vô không có. “Kế năng thủ cũng không”, là do nghĩa của chỗ giữ lấy đã là phi hữu, nên tánh chủ thể thủ của chủ thể giữ lấy nơi tâm cũng không được thành. “Sau xúc không chỗ đắc”, là từ đây về sau xúc chứng chân như, do chân như này không chỗ đắc nên gọi là vô sở đắc.

Luận nói: “Lại có năm bài tụng hiện quán khác, như luận trang nghiêm của kinh Đại thừa nói:

*Phước đức trí huệ hai tư lương,
Bồ-tát khéo đủ không biên vực,
Nơi pháp tư lương đã khéo quyết,
Nên rõ nghĩa lí chỉ ngôn loại.
Nếu biết các nghĩa chỉ là ngôn,
Là trụ tự lý duy tâm kia,*

Liền được hiện chứng chân pháp giới,
 Nên hai tướng đều dứt trừ.
 Thể biết lìa tâm không vật riêng,
 Do đây liền hiểu tâm phi hữu, Trí
 giả thấu tỏ cả hai không,
 Đồng trụ chân pháp giới không hai
 Huệ là trí lực không phân biệt,
 Biến khắp bình đẳng thường thuận hành,
 Diệt dựa tụ tội lỗi vương mắc
 Như thuốc quý lớn tiêu các độc.
 Phật thuyết pháp diệu khéo thành lập,
 An lập huệ trong căn pháp giới,
 Biết rõ niệm nghĩa chỉ phân biệt,
 Dũng mãnh nhanh về bờ biển đức.

Giải thích: Lại có bài tụng hiện quán như kinh trang nghiêm Luận nói, trong đó khó hiểu hơn bài tụng này chỉ ra. “Phước đức trí huệ hai tư lương, Bồ-tát khéo đủ không biên vực”, tư lương có hai thứ: 1. Tư lương phước đức. 2. Tư lương trí huệ. Là thí, giới, nhẫn Ba-la-mật-đa, ba thứ tư lương phước đức. Bát-nhã Ba-la-mật-đa thứ sáu là tư lương trí huệ. Tinh tấn Ba-la-mật-đa thì hai thứ tư lương ấy gồm thấu. Tại sao vậy? Nếu làm trí huệ mà hành tinh tấn là tư lương trí huệ, nếu làm phước đức mà hành tinh tấn là tư lương phước đức. Như vậy tinh lự Ba-la-mật-đa cũng chung với hai thứ. Nếu duyên nơi vô lượng mà tu tinh lự là tư lương phước đức, ngoài ra là tư lương trí huệ. Như vậy tư lương là sở hữu của ai? Là các Bồ-tát đã lâu xa khó lường biết, nên gọi là không biên vực, như vô biên ngữ không phải là không có biên, nhưng vì số nhiều nên xứng với vô biên. Vô biên này cũng vậy. “Nơi pháp tư lương đã khéo quyết”, là phải do định, sau đó tư duy các pháp mới khéo quyết định, không phải chỗ nào khác có thể làm được. “Nên rõ nghĩa lí chỉ ngôn loại”, là biết rõ các nghĩa chỉ có ý ngôn làm nhân. “Nếu biết các nghĩa chỉ là ngôn, là trụ lý tự duy tâm kia”, là nếu biết rõ tự nghĩa hiển hiện chỉ là ý ngôn, thì liền trụ tự nghĩa chánh lý duy tâm. “Liền được hiện chứng chân pháp giới, nên hai tướng đều dứt trừ”, là từ đây về sau hiện chứng chân như, vĩnh viễn đoạn hai tướng đối tượng giữ lấy và chủ thể giữ lấy. Như nhập hiện chứng thì tiếp theo sẽ hiển thị. “Thể biết lìa tâm không riêng vật, do đây liền hiểu tâm phi hữu”, là thể tri lìa tâm thì không có nghĩa đối tượng duyên, đối tượng duyên đó không có thì liền hiểu chủ thể duyên là tâm cũng không có. “Trí giả thấu đạt cả

hai không”, là các Bồ-tát hiểu rõ hai thứ chủ thể, đối tượng này đều là không. “Đồng trụ chân pháp giới hai không”, là bình đẳng trụ pháp giới chân thật là nghĩa là tâm. “Huệ là trí lực vô phân biệt”, là hết thảy thế lực của trí Vô phân biệt của các Bồ-tát. “Biến khắp bình đẳng thường thuận hành”, là trong bình đẳng tùy thuận mà hành, quán tất cả các pháp của khế kinh cũng như tánh bình đẳng của hư không, các pháp nội ngoại đều quán như vậy nên gọi là biến khắp. “Thường” là hằng thời. “Diệt dựa tụ tội lỗi vướng mắc, như thuốc quý lớn tiêu các độc”, diệt là trừ diệt, y là chỗ dựa, tức là tạp nhiễm trong chỗ dựa rất khó trừ hết, tụ tập vướng mắc: Là như rừng rậm hang sâu khó vào, tụ tội lỗi là pháp tạp nhiễm huân tập tụ tập. “Phật nói pháp diệu khéo thành lập, an lập huệ trong căn pháp giới”, là do Phật dạy khéo an lập huệ đó trong chân như và chủ thể duyên trong tâm căn bản kia. Tâm căn bản, là duyên chỗ có chánh giáo của Như Lai chung làm một tướng, phải biết tức là tâm vô phân biệt. “Biết rõ niệm nghĩa sâu chỉ phân biệt”, là biết rõ niệm nghĩa sâu kia đã an trụ tâm căn bản để nói chánh giáo, do trí hậu đặc niệm các nghĩa lý, biết niệm nghĩa sâu này chỉ là phân biệt. “Dũng mãnh nhanh về bờ biển đức”, là các Bồ-tát do trí Vô phân biệt và trí hậu đặc với phương tiện xảo, nhanh chóng tiến đến bờ biển công đức của quả Phật. Tổng lược nghĩa của năm bài tụng như vậy, tụng thứ nhất hiển đạo tư lương, hai câu đầu của bài tụng thứ hai hiển đạo gia hạnh, hai câu sau của bài tụng thứ hai và bài tụng thứ ba hiển kiến đạo, bài tụng thứ tư hiển tu đạo, bài tụng thứ năm hiển đạo cứu cánh.

